

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
PHÚ THỌ
ĐỀ CHÍNH THỨC

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH
LỚP 9 THCS NĂM HỌC 2009-2010
Môn Toán

Thời gian làm bài: 150 phút, không kể giao đề

Câu 1 (4đ)

- Chứng minh rằng $A = (2^n - 1)(2^n + 1)$ chia hết cho 3 với mọi số tự nhiên n
- Tìm số các số nguyên n sao cho $B = n^2 - n + 13$ là số chính phương

Câu 2. (5đ)

- Giải phương trình
$$x^2 - 2x + 3 = 2\sqrt{2x^2 - 4x + 3}$$
- Giải hệ phương trình
$$\begin{cases} x^2 - y^2 = 1 - xy \\ x^2 + y^2 = 3xy + 11 \end{cases}$$

Câu 3 (3đ)

Cho ba số x, y, z thỏa mãn

$$\begin{cases} x + y + z = 2010 \\ \frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} = \frac{1}{2010} \end{cases}$$

Tính giá trị của biểu thức $P = (x^{2007} + y^{2007})(y^{2009} + z^{2009})(z^{2011} + x^{2011})$

Câu 4. (6đ)

Cho đường tròn $(O;R)$ và dây cung AB cố định, $AB = R\sqrt{2}$. Điểm P di động trên dây AB (P khác A và B). Gọi $(C;R_1)$ là đường tròn đi qua P và tiếp xúc với đường tròn $(O;R)$ tại A , $(D;R_2)$ là đường tròn đi qua P và tiếp xúc với đường tròn $(O;R)$ tại B . hai đường tròn $(C;R_1)$ và $(D;R_2)$ cắt nhau tại điểm thứ hai là M .

- Trong trường hợp P không trùng với trung điểm dây AB , chứng minh $OM \parallel CD$ và 4 điểm C, D, O, M cùng thuộc một đường tròn
- Chứng minh khi P di động trên dây AB thì điểm M di động trên đường tròn cố định và đường thẳng MP luôn đi qua một điểm cố định N
- Tìm vị trí của P để tích $PM \cdot PN$ lớn nhất? diện tích tam giác AMB lớn nhất?

Câu 5. Cho các số dương x, y, z thỏa mãn điều kiện $xy + yz + zx = 670$. Chứng minh rằng:

$$\frac{x}{x^2 - yz + 2010} + \frac{y}{y^2 - zx + 2010} + \frac{z}{z^2 - xy + 2010} \geq \frac{1}{x + y + z}$$

ĐÁP ÁN ĐỀ PHÚ THỌ 2009-2010

Câu 1

- a) Theo giả thiết n là số tự nhiên nên $2^n - 1; 2^n; 2^n + 1$ là 3 số tự nhiên liên tiếp
Vì tích của 3 số tự nhiên liên tiếp luôn chia hết cho 3 nên $(2^n - 1) \cdot 2^n \cdot (2^n + 1)$ chia hết cho 3

Mặt khác $(2^n; 3) = 1$ nên $(2^n - 1)(2^n + 1)$ chia hết cho 3

Vậy A chia hết cho 3 với mọi số tự nhiên n

- b) Ta thấy B là số chính phương $\Leftrightarrow 4B$ là số chính phương

Đặt $4B = k^2$ ($k \in \mathbb{N}$) thì $4B = 4n^2 - 4n + 52 = k^2 \Leftrightarrow (2n - 1 - k)(2n - 1 + k) = -51$

Vì $2n - 1 + k \geq 2n - 1 - k$ nên ta có các hệ

$$\begin{cases} 2n - 1 + k = 1 \\ 2n - 1 - k = -51 \end{cases} (1) \quad \begin{cases} 2n - 1 + k = 3 \\ 2n - 1 - k = -17 \end{cases} (2) \quad \begin{cases} 2n - 1 + k = 51 \\ 2n - 1 - k = -1 \end{cases} (3) \quad \begin{cases} 2n - 1 + k = 17 \\ 2n - 1 - k = -3 \end{cases} (4)$$

Giải hệ (1) (2) (3) (4) ta tìm được $n = -12; n = -3; n = 13; n = 4$

Vậy các số nguyên cần tìm là $n \in \{-12; -3; 4; 13\}$

Câu 2

- a) Ta có $2x^2 - 4x + 3 = 2(x - 1)^2 + 1 \geq 1$ nên tập xác định của phương trình là \mathbb{R}
Phương trình đã cho tương đương với

$$2x^2 - 4x + 3 - 4\sqrt{2x^2 - 4x + 3} + 3 = 0$$

Đặt $y = \sqrt{2x^2 - 4x + 3} \geq 1$ thì phương trình đã cho trở thành

$$y^2 - 4y + 3 = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} y = 1 \\ y = 3 \end{cases} \text{ (thỏa mãn điều kiện)}$$

Với $y = 1$ ta có $\sqrt{2x^2 - 4x + 3} = 1 \Leftrightarrow 2x^2 - 4x + 3 = 1 \Leftrightarrow x = 1$

Với $y = 3$ ta có $\sqrt{2x^2 - 4x + 3} = 3 \Leftrightarrow 2x^2 - 4x + 3 = 9 \Leftrightarrow \begin{cases} x = -1 \\ x = 3 \end{cases}$

Vậy phương trình đã cho có 3 nghiệm $x = 1, x = -1, x = 3$

- b) hệ đã cho tương đương với

$$\begin{cases} 11(x^2 + xy - y^2) = 11 \\ x^2 - 3xy + y^2 = 11 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x^2 + xy - y^2 = 1 \\ 11(x^2 + xy - y^2) = x^2 - 3xy + y^2 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x^2 + xy - y^2 = 1 \\ (x + 2y)(5x - 3y) = 0 \end{cases} (*)$$

Từ hệ (*) ta suy ra

$$\begin{cases} x^2 + xy - y^2 = 1 \\ x + 2y = 0 \end{cases} (I) \text{ hoặc } \begin{cases} x^2 + xy - y^2 = 1 \\ (x + 2y)(5x - 3y) = 0 \end{cases} (II)$$

Giải hệ (I) ta tìm được $(x; y) = (2; -1); (-2; 1)$

Hệ II vô nghiệm

Vậy hệ có nghiệm $(x; y) = (2; -1); (-2; 1)$

Câu 3

Từ giả thuyết suy ra x, y, z khác 0 và

$$\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} = \frac{1}{x+y+z}$$

$$\Leftrightarrow \left(\frac{1}{x} + \frac{1}{y} \right) + \left(\frac{1}{z} - \frac{1}{x+y+z} \right) = 0$$

$$\Leftrightarrow \frac{x+y}{xy} + \frac{x+y}{z(x+y+z)} = 0$$

$$\Leftrightarrow (x+y) \left(\frac{1}{xy} + \frac{1}{xz+yz+z^2} \right) = 0$$

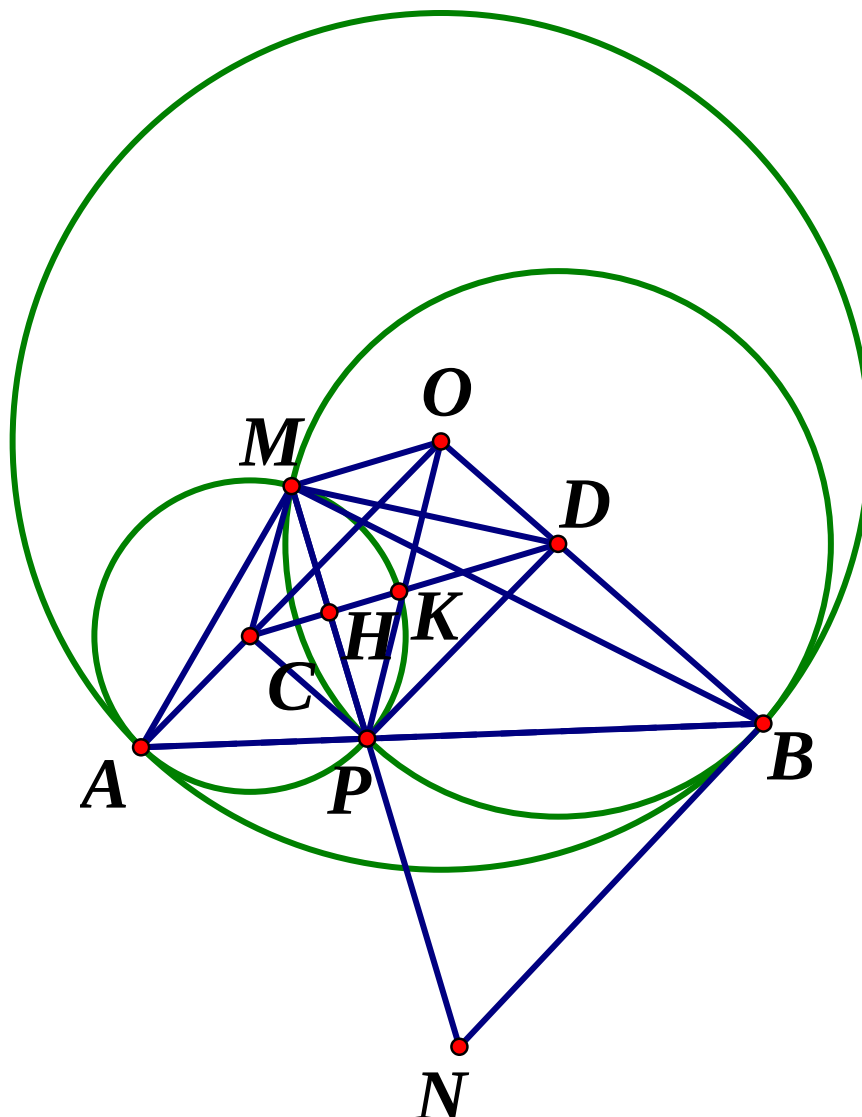
$$\Leftrightarrow (x+y)(xz+yz+z^2+xy) = 0$$

$$\Leftrightarrow (x+y)[z(z+x)+y(z+x)] = 0$$

$$\Leftrightarrow (x+y)(y+z)(z+x) = 0$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} x+y=0 \\ z+y=0 \\ x+z=0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x=-y \\ y=-z \\ z=-x \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x^{2007} = -y^{2007} \\ y^{2009} = -z^{2009} \\ z^{2011} = -x^{2011} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x^{2007} + y^{2007} = 0 \\ y^{2009} + z^{2009} = 0 \\ z^{2011} + x^{2011} = 0 \end{cases} \Leftrightarrow P=0$$

Câu 4



a) Nối CP, PD ta có $\triangle ACP, \triangle OAB$ lần lượt cân tại C, O nên $\widehat{CPA} = \widehat{CAP} = \widehat{OBP}$ do đó $CP \parallel OD$ (1)

Tương tự $\triangle DPB, \triangle OAB$ lần lượt cân tại D, O nên $\widehat{DPB} = \widehat{DBP} = \widehat{OAB}$ nên $OD \parallel CP$ (2). Từ (1) và (2) suy ra ODPC là hình bình hành

Gọi CD cắt MP tại H cắt OP tại K thì K là trung điểm của OP

Theo tính chất 2 của đường tròn cắt nhau ta có $CD \perp MP \Rightarrow H$ là trung điểm MP

Vậy $HK \parallel OM$ do đó $CD \parallel OM$

Ta phải xét 2 trường hợp $AP < BP$ và $AP > BP$, đáp án chỉ yêu cầu xét 1 trường hợp giả sử $AP < BP$

Vì tứ giác CDOM là hình bình hành nên $OC = DP, DP = DM = R_2$ nên tứ giác CDOM là hình thang cân do đó 4 điểm C, D, O, M cùng thuộc một đường tròn

b) Xét tam giác AOB có $OA^2 + OB^2 = 2R^2 = AB^2$ nên tam giác OAB vuông cân tại O. Vì 4 điểm C, D, O, M cùng thuộc một đường tròn (kể cả $M \equiv O$) nên $\widehat{COB} = \widehat{CMD}$ (1)

Xét $\triangle MAB$ và $\triangle MCD$ có: $\widehat{MAB} = \widehat{MCD}$ (cùng bằng $\frac{1}{2}$ số \widehat{MP} của (C))

$\widehat{MBD} = \widehat{MDC}$ (cùng bằng $\frac{1}{2}$ số \widehat{MP} của (D))

Nên $\triangle MAB$ đồng dạng $\triangle MCD$ (g.g)

Vì $\triangle MAB$ đồng dạng với $\triangle MCD$ suy ra $\widehat{AMB} = \widehat{COD}$ hay $\widehat{AMB} = \widehat{AOB} = 90^\circ$

Do AB cố định nên điểm M thuộc đường tròn tâm I đường kính AB

Ta có $\widehat{ACP} = \widehat{BDP} = \widehat{AOB} = 90^\circ$ nên

$\widehat{AMP} = \frac{1}{2} \widehat{ACP} = 45^\circ$ (Góc nội tiếp và góc ở tâm của (C))

$\widehat{BMP} = \frac{1}{2} \widehat{BDP} = 45^\circ$ (góc nội tiếp và góc ở tâm của (D))

Do đó MP là phân giác \widehat{AMB}

Mà $\widehat{AMB} = \widehat{AOB} = 90^\circ$ nên M thuộc đường tròn (I) ngoại tiếp tam giác AOB

Giả sử MP cắt đường tròn (I) tại N thì N là trung điểm cung AB không chứa điểm O nên N cố định

c) $\triangle MAP$ và $\triangle BNP$ có $\widehat{MPA} = \widehat{BPN}$ (đối đỉnh); $\widehat{AMP} = \widehat{BPN}$ (góc nội tiếp cùng chắn 1 cung) nên $\triangle MAP$ đồng dạng $\triangle BNP$ (g.g)

Do đó $\frac{PA}{PN} = \frac{PM}{PB} \Leftrightarrow PM \cdot PN = PA \cdot PB \leq \left(\frac{PA + PB}{2} \right)^2 = \frac{AB^2}{4} = \frac{R^2}{2}$ (không đổi)

Vậy $PM \cdot PN$ lớn nhất bằng $\frac{R^2}{2}$ khi $PA = PB$ hay P là trung điểm dây AB

Vì tam giác AMB vuông tại M nên

$S_{AMB} = \frac{1}{2} AM \cdot BM \leq \frac{1}{4} (AM^2 + BM^2) = \frac{AB^2}{4} = \frac{R^2}{2}$

Diện tích tam giác AMB lớn nhất bằng $\frac{R^2}{2}$ khi PA=PB hay P là trung điểm dây AB

Câu 5.

Trước tiên ta chứng minh bất đẳng thức : Với mọi $a,b,c \in \mathbb{R}$ và $x,y,z > 0$ ta có:

$$\frac{a^2}{x} + \frac{b^2}{y} + \frac{c^2}{z} \geq \frac{(a+b+c)^2}{x+y+z} \quad (*)$$

Dấu “=” xảy ra $\Leftrightarrow \frac{a}{x} = \frac{b}{y} = \frac{c}{z}$

Thật vậy, với $a,b \in \mathbb{R}$ và $x,y > 0$ ta có:

$$\frac{a^2}{x} + \frac{b^2}{y} \geq \frac{(a+b)^2}{x+y} \quad (**)$$

$$\Leftrightarrow (a^2y + b^2x)(x+y) \geq xy(a+b)^2$$

$$\Leftrightarrow (bx - ay)^2 \geq 0 \text{ (luôn đúng)}. \text{ Dấu “=” xảy ra } \Leftrightarrow \frac{a}{x} = \frac{b}{y}$$

Áp dụng bất đẳng thức (**) ta có:

$$\frac{a^2}{x} + \frac{b^2}{y} + \frac{c^2}{z} \geq \frac{(a+b)^2}{x+y} + \frac{c^2}{z} \geq \frac{(a+b+c)^2}{x+y+z}$$

Dấu “=” xảy ra $\Leftrightarrow \frac{a}{x} = \frac{b}{y} = \frac{c}{z}$

Áp dụng bất đẳng thức (*) ta có:

$$\begin{aligned} VT &= \frac{x}{x^2 - yz + 2010} + \frac{y}{y^2 - zx + 2010} + \frac{z}{z^2 - xy + 2010} \\ &= \frac{x^2}{x(x^2 - yz + 2010)} + \frac{y^2}{y(y^2 - zx + 2010)} + \frac{z^2}{z(z^2 - xy + 2010)} \geq \frac{(x+y+z)^2}{x^3 + y^3 + z^3 - 3xyz + 2010(x+y+z)} \quad (1) \end{aligned}$$

Chú ý: $x(x^2 - yz + 2010) = x(x^2 + xy + zx + 1340) > 0$; $y(y^2 - zx + 2010) > 0$ và $z(z^2 - xy + 2010) > 0$

$$x^3 + y^3 + z^3 - 3xyz = (x+y+z)(x^2 + y^2 + z^2 - xy - yz - zx)$$

Chứng minh $= (x+y+z) \left[(x+y+z)^2 - 3(xy+yz+zx) \right] \quad (2)$

Do đó:

$$x^3 + y^3 + z^3 - 3xyz + 2010(x+y+z) = (x+y+z) \left[(x+y+z)^2 - 3(xy+yz+zx) + 2010 \right] = (x+y+z)^3 \quad (3)$$

Từ (1) và (3) ta suy ra

$$VT \geq \frac{(x+y+z)^2}{(x+y+z)^3} = \frac{1}{x+y+z}$$

Dấu “=” xảy ra $\Leftrightarrow x=y=z = \frac{\sqrt{2010}}{3}$